

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN NĂM HỌC 2019-2020
PHÂN THEO KHOA NGHỀ

S TT	NGÀNH	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Điện công nghiệp	427	0	10	2,34	18	4,22	171	40,05	216	50,59	12	2,81	
	CNKT Điện_Điện tử	437	9	28	6,41	39	8,92	191	43,71	172	39,36	7	1,60	
	Điện tử công nghiệp	19	0	0	0,00	1	5,26	16	84,21	1	5,26	1	5,26	
	Cơ điện tử	132	2	8	6,06	6	4,55	42	31,82	72	54,55	4	3,03	
	CNKT ĐK Tự động	148	0	8	5,41	7	4,73	50	33,78	72	48,65	11	7,43	
	Điện công nghiệp	246	2	0	0,00	32	13,01	49	19,92	143	58,13	22	8,94	
	Điện tử công nghiệp	13	1	0	0,00	0	0,00	2	15,38	11	84,62	0	0,00	
	CNKT Điện_Điện tử	121	2	0	0,00	3	2,48	12	9,92	92	76,03	14	11,57	
	Cơ điện tử	72	0	8	11,11	5	6,94	12	16,67	46	63,89	1	1,39	
2	Lắp đặt thiết bị lạnh	22	0	1	4,55	0	0,00	2	9,09	19	86,36	0	0,00	
	Kỹ thuật ML&ĐHKK	194	2	4	2,06	13	6,70	43	22,16	134	69,07	0	0,00	
	VH - SC thiết bị lạnh	240	0	3	1,25	13	5,42	69	28,75	154	64,17	1	0,42	
	CNKT Nhiệt	146	0	9	6,16	13	8,90	66	45,21	58	39,73	0	0,00	
	Lắp đặt thiết bị lạnh	79	0	0	0,00	0	0,00	5	6,33	71	89,87	3	3,80	
	CNKT Nhiệt	27	0	0	0,00	0	0,00	4	14,81	22	81,48	1	3,70	
	Kỹ thuật ML&ĐHKK	72	0	0	0,00	0	0,00	0	0,00	65	90,28	7	9,72	
	VH - SC thiết bị lạnh	130	0	1	0,77	1	0,77	13	10,00	108	83,08	7	5,38	
3	Bảo trì HT - TB - CN	63	0	1	1,59	4	6,35	24	38,10	34	53,97	0	0,00	
	Cắt gọt kim loại	27	0	0	0,00	1	3,70	12	44,44	14	51,85	0	0,00	
	CNKT Cơ khí	915	5	12	1,31	68	7,43	323	35,30	484	52,90	28	3,06	
	CN Chế tạo máy	159	1	4	2,52	3	1,89	18	11,32	130	81,76	4	2,52	
	Cắt gọt kim loại	9	0	0	0,00	0	0,00	1	11,11	8	88,89	0	0,00	
	Cơ khí chế tạo	100	0	0	0,00	2	2,00	5	5,00	85	85,00	8	8,00	
	CNKT Cơ khí	166	0	1	0,60	3	1,81	16	9,64	139	83,73	7	4,22	



S TT	NGÀNH	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
4	Công nghệ Ô Tô	1935	11	21	1,09	83	4,29	615	31,78	1170	60,47	46	2,38	
	Công nghệ Ô Tô	626	0	3	0,48	13	2,08	89	14,22	489	78,12	32	76,35	
5	Công nghệ May	180	167	7	3,89	15	8,33	100	55,56	58	32,22	0	0,00	
	CN May & Thời trang	116	103	4	3,45	11	9,48	35	30,17	62	53,45	4	3,45	
6	An ninh mạng	27	0	0	0,00	1	3,70	17	62,96	8	29,63	1	3,70	
	CNKTK Máy tính	110	1	0	0,00	1	0,91	55	50,00	49	44,55	5	4,55	
	Thiết kế đồ họa	128	20	1	0,78	8	6,25	22	17,19	94	73,44	3	2,34	
	Thương mại điện tử	10	2	0	0,00	0	0,00	2	20,00	7	70,00	1	10,00	
	Thiết kế trang Web	39	4	0	0,00	0	0,00	15	38,46	22	56,41	2	5,13	
	Tin học ứng dụng	44	3	1	2,27	5	11,36	22	50,00	16	36,36	0	0,00	
	Lập trình máy tính	152	5	0	0,00	2	1,32	57	37,50	85	55,92	8	5,26	
	Quản trị mạng máy tính	157	11	3	1,91	11	7,01	47	29,94	86	54,78	10	6,37	
	An ninh mạng	79	6	6	7,59	8	10,13	20	25,32	41	51,90	4	5,06	
	CNKTK phần cứng MT	140	3	1	0,71	0	0,00	8	5,71	109	77,86	22	15,71	
	Thiết kế đồ họa	176	64	0	0,00	7	3,98	26	14,77	141	80,11	2	1,14	
	Thiết kế trang Web	102	14	0	0,00	1	0,98	9	8,82	83	81,37	9	8,82	
	Thương mại điện tử	18	9	0	0,00	1	5,56	4	22,22	10	55,56	3	16,67	
	Tin học ứng dụng	135	35	3	2,22	7	5,19	28	20,74	94	69,63	3	2,22	
	Lập trình máy tính	191	16	0	0,00	5	2,62	18	9,42	150	78,53	18	9,42	
	Quản trị mạng máy tính	168	10	0	0,00	3	1,79	27	16,07	120	71,43	18	10,71	
7	Kế toán doanh nghiệp	201	160	14	6,97	31	15,42	79	39,30	72	35,82	5	2,49	
	Quản trị doanh nghiệp	139	78	0	0,00	12	8,63	42	30,22	79	56,83	6	4,32	
	Logistics	24	6	1	4,17	3	12,50	9	37,50	11	45,83	0	0,00	
	Logistics	25	8	0	0,00	0	0,00	2	8,00	21	84,00	2	8,00	
	Tài chính doanh nghiệp	47	26	1	2,13	3	6,38	15	31,91	26	55,32	2	4,26	
	Kế toán doanh nghiệp	166	139	1	0,60	6	3,61	25	15,06	130	78,31	4	2,41	
	Quản trị doanh nghiệp	153	90	2	1,31	9	5,88	28	18,30	111	72,55	3	1,96	

S TT	NGÀNH	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
8	Tiếng Anh	106	63	2	1,89	5	4,72	44	41,51	52	49,06	3	2,83	
	Tiếng Anh	308	191	0	0,00	2	0,65	40	12,99	257	83,44	9	2,92	
9	Kỹ thuật Xây dựng	73	0	5	6,85	8	10,96	21	28,77	38	52,05	1	1,37	
	Kỹ thuật Xây dựng	47	2	0	0,00	0	0,00	2	4,26	40	85,11	5	10,64	
TỔNG TOÀN TRƯỜNG (275 lớp)		9.786	1.271	174	1,78	493	5,04	2.669	27,27	6.081	62,14	369	3,77	

275

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV



Lê Xuân Thiện

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh



- XS, Tốt, Khá	3.336	34,09	9.417	96,23
- Trung bình	6.081	62,14		
- Yếu	369	3,77		

